

Pool # <b>1</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #177

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
笹村, ゆな 鳥羽FC	1		V5	D1	D0	D2	D0	1	8	23	-15	6
松岡, 寧々 エスコラピオス学園海星中学校	2	D3		D0	D1	D3	V5	1	12	23	-11	5
岡田, 風花 大分県F協会	3	V5	V5		V5	V5	V5	5	25	2	+23	1
溝口, 怜 京都市きつづ	4	V5	V5	D0		D1	D0	2	11	16	-5	4
新田, 亜咲紀 和歌山J.R.F.C	5	V5	V5	D1	V5		D1	3	17	16	+1	3
伊森, 京夏 福岡県F協会	6	V5	D3	D0	V5	V5		3	18	11	+7	2

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	笹村, ゆな vs. 松岡, 寧々	V5 - D3	
2	4 vs. 3	溝口, 怜 vs. 岡田, 風花	D0 - V5	
3	6 vs. 5	伊森, 京夏 vs. 新田, 亜咲紀	V5 - D1	
4	3 vs. 1	岡田, 風花 vs. 笹村, ゆな	V5 - D1	
5	2 vs. 6	松岡, 寧々 vs. 伊森, 京夏	V5 - D3	
6	5 vs. 4	新田, 亜咲紀 vs. 溝口, 怜	V5 - D1	
7	1 vs. 6	笹村, ゆな vs. 伊森, 京夏	D0 - V5	
8	3 vs. 5	岡田, 風花 vs. 新田, 亜咲紀	V5 - D1	
9	4 vs. 2	溝口, 怜 vs. 松岡, 寧々	V5 - D1	
10	5 vs. 1	新田, 亜咲紀 vs. 笹村, ゆな	V5 - D2	
11	6 vs. 4	伊森, 京夏 vs. 溝口, 怜	V5 - D0	
12	2 vs. 3	松岡, 寧々 vs. 岡田, 風花	D0 - V5	
13	1 vs. 4	笹村, ゆな vs. 溝口, 怜	D0 - V5	
14	5 vs. 2	新田, 亜咲紀 vs. 松岡, 寧々	V5 - D3	
15	3 vs. 6	岡田, 風花 vs. 伊森, 京夏	V5 - D0	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

Pool # <b>2</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #178

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
吉田, 茉世 和歌山JRF.C	1		D1	D3	V5	D2	V5	2	16	20	-4	3
市橋, 杏 徳島文理	2	V5		D0	D3	D2	D2	1	12	21	-9	5
高橋, ののか はしまアFC	3	V5	V5		V5	V5	V5	5	25	6	+19	1
川崎, 茉樹 京都市っず	4	D1	V5	D0		D0	D4	1	10	23	-13	6
中野, 愛麗 西神戸FC	5	V5	V5	D2	V5		V5	4	22	9	+13	2
安永, 理沙子 同志社女子中学校・高校	6	D4	V5	D1	V5	D0		2	15	21	-6	4

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	吉田, 茉世 vs. 市橋, 杏	D1 - V5	
2	4 vs. 3	川崎, 茉樹 vs. 高橋, ののか	D0 - V5	
3	6 vs. 5	安永, 理沙子 vs. 中野, 愛麗	D0 - V5	
4	3 vs. 1	高橋, ののか vs. 吉田, 茉世	V5 - D3	
5	2 vs. 6	市橋, 杏 vs. 安永, 理沙子	D2 - V5	
6	5 vs. 4	中野, 愛麗 vs. 川崎, 茉樹	V5 - D0	
7	1 vs. 6	吉田, 茉世 vs. 安永, 理沙子	V5 - D4	
8	3 vs. 5	高橋, ののか vs. 中野, 愛麗	V5 - D2	
9	4 vs. 2	川崎, 茉樹 vs. 市橋, 杏	V5 - D3	
10	5 vs. 1	中野, 愛麗 vs. 吉田, 茉世	V5 - D2	
11	6 vs. 4	安永, 理沙子 vs. 川崎, 茉樹	V5 - D4	
12	2 vs. 3	市橋, 杏 vs. 高橋, ののか	D0 - V5	
13	1 vs. 4	吉田, 茉世 vs. 川崎, 茉樹	V5 - D1	
14	5 vs. 2	中野, 愛麗 vs. 市橋, 杏	V5 - D2	
15	3 vs. 6	高橋, ののか vs. 安永, 理沙子	V5 - D1	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

Pool # <b>3</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #179

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
田广, 小晴 和歌山J.R.F.C	1		V5	D0	D1	V5	D0	2	11	17	-6	4
廣瀬, 麻乃 エスコラピオス学園海星高校	2	D0		D0	D2	D0	D0	0	2	25	-23	6
今村, 文音 京都市きつづ	3	V5	V5		V5	V5	V5	5	25	2	+23	1
高橋, めいさ 安来FC	4	V5	V5	D2		V5	D3	3	20	13	+7	3
久米, 唯衣 徳島文理	5	D2	V5	D0	D0		D4	1	11	20	-9	5
中村, 新依 NEXUS FENCING CLUB	6	V5	V5	D0	V5	V5		4	20	12	+8	2

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	田广, 小晴 vs. 廣瀬, 麻乃	V5 - D0	
2	4 vs. 3	高橋, めいさ vs. 今村, 文音	D2 - V5	
3	6 vs. 5	中村, 新依 vs. 久米, 唯衣	V5 - D4	
4	3 vs. 1	今村, 文音 vs. 田广, 小晴	V5 - D0	
5	2 vs. 6	廣瀬, 麻乃 vs. 中村, 新依	D0 - V5	
6	5 vs. 4	久米, 唯衣 vs. 高橋, めいさ	D0 - V5	
7	1 vs. 6	田广, 小晴 vs. 中村, 新依	D0 - V5	
8	3 vs. 5	今村, 文音 vs. 久米, 唯衣	V5 - D0	
9	4 vs. 2	高橋, めいさ vs. 廣瀬, 麻乃	V5 - D2	
10	5 vs. 1	久米, 唯衣 vs. 田广, 小晴	D2 - V5	
11	6 vs. 4	中村, 新依 vs. 高橋, めいさ	V5 - D3	
12	2 vs. 3	廣瀬, 麻乃 vs. 今村, 文音	D0 - V5	
13	1 vs. 4	田广, 小晴 vs. 高橋, めいさ	D1 - V5	
14	5 vs. 2	久米, 唯衣 vs. 廣瀬, 麻乃	V5 - D0	
15	3 vs. 6	今村, 文音 vs. 中村, 新依	V5 - D0	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

第36回西日本フェンシング選手権大会  
 Cadet Women's Foil  
 Round #1  
 2024/02/11

Pool # <b>4</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #180

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
山畑, 歌子 香川JR.FC	1		D1	D3	V5	V3	V5	3	17	10	+7	3
西山, 花桜 大分県F協会	2	V2		D1	V5	V5	V3	4	16	5	+11	2
高木, 優希 県立高松高校	3	V5	V2		V5	V5	V5	5	22	7	+15	1
田广, 夏帆 和歌山JR.FC	4	D1	D0	D2		D0	V5	1	8	23	-15	5
数井, 奏 京都市つづ	5	D2	D1	D0	V5		V5	2	13	14	-1	4
星川, もみじ 三島FC	6	D0	D1	D1	D3	D1		0	6	23	-17	6

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	山畑, 歌子 vs. 西山, 花桜	D1 - V2	
2	4 vs. 3	田广, 夏帆 vs. 高木, 優希	D2 - V5	
3	6 vs. 5	星川, もみじ vs. 数井, 奏	D1 - V5	
4	3 vs. 1	高木, 優希 vs. 山畑, 歌子	V5 - D3	
5	2 vs. 6	西山, 花桜 vs. 星川, もみじ	V3 - D1	
6	5 vs. 4	数井, 奏 vs. 田广, 夏帆	V5 - D0	
7	1 vs. 6	山畑, 歌子 vs. 星川, もみじ	V5 - D0	
8	3 vs. 5	高木, 優希 vs. 数井, 奏	V5 - D0	
9	4 vs. 2	田广, 夏帆 vs. 西山, 花桜	D0 - V5	
10	5 vs. 1	数井, 奏 vs. 山畑, 歌子	D2 - V3	
11	6 vs. 4	星川, もみじ vs. 田广, 夏帆	D3 - V5	
12	2 vs. 3	西山, 花桜 vs. 高木, 優希	D1 - V2	
13	1 vs. 4	山畑, 歌子 vs. 田广, 夏帆	V5 - D1	
14	5 vs. 2	数井, 奏 vs. 西山, 花桜	D1 - V5	
15	3 vs. 6	高木, 優希 vs. 星川, もみじ	V5 - D1	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

Pool # <b>5</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #181

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
宮本, 倫 徳島文理	1		V5	D0	D2	D2	D4	1	13	22	-9	5
中矢, 遥菜 松山Jr.FC	2	D2		D2	D1	D1	D3	0	9	25	-16	6
石黒, 莉愛 はしまアFC	3	V5	V5		V5	D1	V5	4	21	11	+10	2
新田, 美亜紀 和歌山Jr.FC	4	V5	V5	D2		D2	D3	2	17	18	-1	4
鶴本, 翠 和歌山北高校	5	V5	V5	V5	V5		V5	5	25	8	+17	1
新居, 愛実 県立城ノ内中等教育学校	6	V5	V5	D2	V5	D2		3	19	20	-1	3

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	宮本, 倫 vs. 中矢, 遥菜	V5 - D2	
2	4 vs. 3	新田, 美亜紀 vs. 石黒, 莉愛	D2 - V5	
3	6 vs. 5	新居, 愛実 vs. 鶴本, 翠	D2 - V5	
4	3 vs. 1	石黒, 莉愛 vs. 宮本, 倫	V5 - D0	
5	2 vs. 6	中矢, 遥菜 vs. 新居, 愛実	D3 - V5	
6	5 vs. 4	鶴本, 翠 vs. 新田, 美亜紀	V5 - D2	
7	1 vs. 6	宮本, 倫 vs. 新居, 愛実	D4 - V5	
8	3 vs. 5	石黒, 莉愛 vs. 鶴本, 翠	D1 - V5	
9	4 vs. 2	新田, 美亜紀 vs. 中矢, 遥菜	V5 - D1	
10	5 vs. 1	鶴本, 翠 vs. 宮本, 倫	V5 - D2	
11	6 vs. 4	新居, 愛実 vs. 新田, 美亜紀	V5 - D3	
12	2 vs. 3	中矢, 遥菜 vs. 石黒, 莉愛	D2 - V5	
13	1 vs. 4	宮本, 倫 vs. 新田, 美亜紀	D2 - V5	
14	5 vs. 2	鶴本, 翠 vs. 中矢, 遥菜	V5 - D1	
15	3 vs. 6	石黒, 莉愛 vs. 新居, 愛実	V5 - D2	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

Pool # <b>6</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #182

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
安藝, 梢 徳島文理	1		V5	D0	V5	D2	V5	3	17	21	-4	3
延尾, 夏音 大山崎中学校	2	D4		D0	D3	D0	V5	1	12	20	-8	5
七五三, 心夏 岩国JR.FC(岩国JFC)	3	V5	V5		V5	D2	V5	4	22	8	+14	2
橋本, 芽実 県立城ノ内中等教育学校	4	D4	V5	D3		D2	V5	2	19	18	+1	4
後藤, 結衣 はしまモアFC	5	V5	V5	V5	V5		V5	5	25	6	+19	1
畑中, 一花 滋賀JFC	6	D3	D0	D0	D0	D0		0	3	25	-22	6

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	安藝, 梢 vs. 延尾, 夏音	V5 - D4	
2	4 vs. 3	橋本, 芽実 vs. 七五三, 心夏	D3 - V5	
3	6 vs. 5	畑中, 一花 vs. 後藤, 結衣	D0 - V5	
4	3 vs. 1	七五三, 心夏 vs. 安藝, 梢	V5 - D0	
5	2 vs. 6	延尾, 夏音 vs. 畑中, 一花	V5 - D0	
6	5 vs. 4	後藤, 結衣 vs. 橋本, 芽実	V5 - D2	
7	1 vs. 6	安藝, 梢 vs. 畑中, 一花	V5 - D3	
8	3 vs. 5	七五三, 心夏 vs. 後藤, 結衣	D2 - V5	
9	4 vs. 2	橋本, 芽実 vs. 延尾, 夏音	V5 - D3	
10	5 vs. 1	後藤, 結衣 vs. 安藝, 梢	V5 - D2	
11	6 vs. 4	畑中, 一花 vs. 橋本, 芽実	D0 - V5	
12	2 vs. 3	延尾, 夏音 vs. 七五三, 心夏	D0 - V5	
13	1 vs. 4	安藝, 梢 vs. 橋本, 芽実	V5 - D4	
14	5 vs. 2	後藤, 結衣 vs. 延尾, 夏音	V5 - D0	
15	3 vs. 6	七五三, 心夏 vs. 畑中, 一花	V5 - D0	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

Pool # <b>7</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #183

		1	2	3	4	5	6	V	TS	TR	Ind	PI
藤, 玲愛華 県立城ノ内中等教育学校	1		D4	D1	D1	V5	D0	1	11	20	-9	5
木村, 美亜 龍谷大学付属平安高校・中学校	2	V5		D0	D1	V5	V5	3	16	19	-3	3
石津, 愛美 三島FC	3	V3	V5		D1	V5	V5	4	19	11	+8	2
熊本, 詩乃 京都フューチャーFC	4	V5	V5	V5		V5	V5	5	25	5	+20	1
山根, 向葵 和歌山J.R.FC	5	D2	D1	D1	D1		D1	0	6	25	-19	6
村瀬, 百香 エスコラピオス学園海星中学校	6	V5	D4	D4	D1	V5		2	19	16	+3	4

Standard bout order (15 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	藤, 玲愛華 vs. 木村, 美亜	D4 - V5	
2	4 vs. 3	熊本, 詩乃 vs. 石津, 愛美	V5 - D1	
3	6 vs. 5	村瀬, 百香 vs. 山根, 向葵	V5 - D1	
4	3 vs. 1	石津, 愛美 vs. 藤, 玲愛華	V3 - D1	
5	2 vs. 6	木村, 美亜 vs. 村瀬, 百香	V5 - D4	
6	5 vs. 4	山根, 向葵 vs. 熊本, 詩乃	D1 - V5	
7	1 vs. 6	藤, 玲愛華 vs. 村瀬, 百香	D0 - V5	
8	3 vs. 5	石津, 愛美 vs. 山根, 向葵	V5 - D1	
9	4 vs. 2	熊本, 詩乃 vs. 木村, 美亜	V5 - D1	
10	5 vs. 1	山根, 向葵 vs. 藤, 玲愛華	D2 - V5	
11	6 vs. 4	村瀬, 百香 vs. 熊本, 詩乃	D1 - V5	
12	2 vs. 3	木村, 美亜 vs. 石津, 愛美	D0 - V5	
13	1 vs. 4	藤, 玲愛華 vs. 熊本, 詩乃	D1 - V5	
14	5 vs. 2	山根, 向葵 vs. 木村, 美亜	D1 - V5	
15	3 vs. 6	石津, 愛美 vs. 村瀬, 百香	V5 - D4	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

第36回西日本フェンシング選手権大会  
 Cadet Women's Foil  
 Round #1  
 2024/02/11

Pool # <b>8</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #184

		1	2	3	4	5	V	TS	TR	Ind	PI
吉田, 実永 県立向陽中・高校	1		V5	V5	D4	D2	2	16	12	+4	3
米田, 伊織 安来FC	2	D2		V5	D1	D2	1	10	17	-7	4
下山, 瑠佳 同志社女子中学校・高校	3	D0	D2		D0	D0	0	2	20	-18	5
山畑, 花乃子 県立高松北中学校	4	V5	V5	V5		V5	4	20	7	+13	1
森, 柚花 大山崎中学校	5	V5	V5	V5	D2		3	17	9	+8	2

Standard bout order (10 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	吉田, 実永 vs. 米田, 伊織	V5 - D2	
2	3 vs. 4	下山, 瑠佳 vs. 山畑, 花乃子	D0 - V5	
3	5 vs. 1	森, 柚花 vs. 吉田, 実永	V5 - D2	
4	2 vs. 3	米田, 伊織 vs. 下山, 瑠佳	V5 - D2	
5	5 vs. 4	森, 柚花 vs. 山畑, 花乃子	D2 - V5	
6	1 vs. 3	吉田, 実永 vs. 下山, 瑠佳	V5 - D0	
7	2 vs. 5	米田, 伊織 vs. 森, 柚花	D2 - V5	
8	4 vs. 1	山畑, 花乃子 vs. 吉田, 実永	V5 - D4	
9	3 vs. 5	下山, 瑠佳 vs. 森, 柚花	D0 - V5	
10	4 vs. 2	山畑, 花乃子 vs. 米田, 伊織	V5 - D1	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_



第36回西日本フェンシング選手権大会  
 Cadet Women's Foil  
 Round #1  
 2024/02/11

Pool # <b>9</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #185

		1	2	3	4	5	V	TS	TR	Ind	PI
高島, 望 県立城ノ内中等教育学校	1		V5	V5	V5	V5	4	20	3	+17	1
寒川, 優花 龍谷大学付属平安高校・中学校	2	D0		V5	V5	D4	2	14	13	+1	2
橋川, 凜 京都きつづ	3	D2	D0		D4	V5	1	11	18	-7	4
中井, 心 県立向陽中・高校	4	D1	D3	V5		V5	2	14	14	0	3
宮口, 愛琉 鳥羽FC	5	D0	V5	D3	D0		1	8	19	-11	5

Standard bout order (10 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	高島, 望 vs. 寒川, 優花	V5 - D0	
2	3 vs. 4	橋川, 凜 vs. 中井, 心	D4 - V5	
3	5 vs. 1	宮口, 愛琉 vs. 高島, 望	D0 - V5	
4	2 vs. 3	寒川, 優花 vs. 橋川, 凜	V5 - D0	
5	5 vs. 4	宮口, 愛琉 vs. 中井, 心	D0 - V5	
6	1 vs. 3	高島, 望 vs. 橋川, 凜	V5 - D2	
7	2 vs. 5	寒川, 優花 vs. 宮口, 愛琉	D4 - V5	
8	4 vs. 1	中井, 心 vs. 高島, 望	D1 - V5	
9	3 vs. 5	橋川, 凜 vs. 宮口, 愛琉	V5 - D3	
10	4 vs. 2	中井, 心 vs. 寒川, 優花	D3 - V5	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

第36回西日本フェンシング選手権大会  
Cadet Women's Foil  
Round #1  
2024/02/11

Pool # <b>10</b>	Strip #	Time	Referee(s)
---------------------	---------	------	------------



Pool ID #186

		1	2	3	4	5	V	TS	TR	Ind	PI
中嶋, 麻琴 同志社女子中学校・高校	1		D4	D3	D0	D2	0	9	20	-11	5
合田, 琴葉 三島FC	2	V5		V5	D2	V5	3	17	11	+6	2
岡田, 珠美 県立向陽中・高校	3	V5	D0		D1	D0	1	6	18	-12	4
三輪, 楓華 はしまモアFC	4	V5	V5	V5		V5	4	20	3	+17	1
茂木, 美來 徳島文理	5	V5	D2	V5	D0		2	12	12	0	3

Standard bout order (10 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	中嶋, 麻琴 vs. 合田, 琴葉	D4 - V5	
2	3 vs. 4	岡田, 珠美 vs. 三輪, 楓華	D1 - V5	
3	5 vs. 1	茂木, 美來 vs. 中嶋, 麻琴	V5 - D2	
4	2 vs. 3	合田, 琴葉 vs. 岡田, 珠美	V5 - D0	
5	5 vs. 4	茂木, 美來 vs. 三輪, 楓華	D0 - V5	
6	1 vs. 3	中嶋, 麻琴 vs. 岡田, 珠美	D3 - V5	
7	2 vs. 5	合田, 琴葉 vs. 茂木, 美來	V5 - D2	
8	4 vs. 1	三輪, 楓華 vs. 中嶋, 麻琴	V5 - D0	
9	3 vs. 5	岡田, 珠美 vs. 茂木, 美來	D0 - V5	
10	4 vs. 2	三輪, 楓華 vs. 合田, 琴葉	V5 - D2	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

Pool # <b>11</b>	Strip #	Time	Referee(s)
---------------------	---------	------	------------



Pool ID #187

		1	2	3	4	5	V	TS	TR	Ind	PI
後東, 梨亜 徳島文理	1		V5	D2	V5	V5	3	17	8	+9	2
上原, 沙織 同志社女子中学校・高校	2	D3		D2	V5	V5	2	15	12	+3	3
宮川, 莉緒奈 はしまアFC	3	V5	V5		V5	V5	4	20	5	+15	1
田中, 莉望 和歌山JR.FC	4	D0	D0	D0		V5	1	5	18	-13	4
田辺, 福 エスコラピオス学園海星中学校	5	D0	D2	D1	D3		0	6	20	-14	5

Standard bout order (10 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	後東, 梨亜 vs. 上原, 沙織	V5 - D3	
2	3 vs. 4	宮川, 莉緒奈 vs. 田中, 莉望	V5 - D0	
3	5 vs. 1	田辺, 福 vs. 後東, 梨亜	D0 - V5	
4	2 vs. 3	上原, 沙織 vs. 宮川, 莉緒奈	D2 - V5	
5	5 vs. 4	田辺, 福 vs. 田中, 莉望	D3 - V5	
6	1 vs. 3	後東, 梨亜 vs. 宮川, 莉緒奈	D2 - V5	
7	2 vs. 5	上原, 沙織 vs. 田辺, 福	V5 - D2	
8	4 vs. 1	田中, 莉望 vs. 後東, 梨亜	D0 - V5	
9	3 vs. 5	宮川, 莉緒奈 vs. 田辺, 福	V5 - D1	
10	4 vs. 2	田中, 莉望 vs. 上原, 沙織	D0 - V5	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

第36回西日本フェンシング選手権大会  
Cadet Women's Foil  
Round #1  
2024/02/11

Pool # <b>12</b>	Strip #	Time	Referee(s)
---------------------	---------	------	------------



Pool ID #188

		1	2	3	4	5	V	TS	TR	Ind	PI
金丸, 依央 河南町FC	1		D4	D3	V5	V5	2	17	11	+6	3
石原, こころ はしまモアFC	2	V5		D0	V5	V5	3	15	12	+3	2
松本, 希未 県立安来高校	3	V5	V5		V5	V5	4	20	4	+16	1
安藤, 琴音 滋賀JFC	4	D1	D1	D0		V5	1	7	19	-12	4
田島, 彩香 エスコラピオス学園海星中学校	5	D0	D2	D1	D4		0	7	20	-13	5

Standard bout order (10 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	金丸, 依央 vs. 石原, こころ	D4 - V5	
2	3 vs. 4	松本, 希未 vs. 安藤, 琴音	V5 - D0	
3	5 vs. 1	田島, 彩香 vs. 金丸, 依央	D0 - V5	
4	2 vs. 3	石原, こころ vs. 松本, 希未	D0 - V5	
5	5 vs. 4	田島, 彩香 vs. 安藤, 琴音	D4 - V5	
6	1 vs. 3	金丸, 依央 vs. 松本, 希未	D3 - V5	
7	2 vs. 5	石原, こころ vs. 田島, 彩香	V5 - D2	
8	4 vs. 1	安藤, 琴音 vs. 金丸, 依央	D1 - V5	
9	3 vs. 5	松本, 希未 vs. 田島, 彩香	V5 - D1	
10	4 vs. 2	安藤, 琴音 vs. 石原, こころ	D1 - V5	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_